

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2020/HC-PT

Ngày: 20 - 5 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy;

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Thành Văn;

Ông Hoàng Minh Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 149/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 69/2018/HCST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 659/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Ngô Thị Thanh M, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 4, ấp L, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Người bị kiện:**

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Quý Th – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X. (có mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Xuân D – Phó Chủ tịch UBND xã B. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị Thanh M.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện bà Ngô Thị Thanh M trình bày:*

Năm 1983 ông Hà Tấn Tr và bà Lê Thị L khai phá 60.000m<sup>2</sup> là một phần thửa 193, tờ bản đồ số 30 tại ấp Th, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà L và ông Tr sử dụng đất ổn định liên tục, có trồng cây ăn quả, cây Tràm và đào ao thả cá, không có tranh chấp. Ngày 16/6/2011 có xác nhận của trưởng ấp ông Hồ Chí Kh với 22.000m<sup>2</sup> đất, ngày 11/7/2013 ông Trưởng ấp - Trương Văn Đ xác nhận nguồn gốc đất, có sự xác nhận của các hộ liền kề là ông Tr1, bà K.

Ngày 09/01/2013, bà M nhận chuyển nhượng 22.000m<sup>2</sup> đất của bà L và ông Tr (nằm trong 60.000m<sup>2</sup> đất khai phá); Giấy sang nhượng tay bị tẩy xóa nội dung “ngày 9/1/2013” vì do bà M nhầm lẫn về ngày âm và ngày dương lịch, còn các nội dung khác bị xóa vì bà M viết sai chính tả nên đã xóa và có ký nháy vào nội dung này. Sau khi mua đất bà M tiếp tục sử dụng ao nuôi cá và trồng cây Tràm và cây ăn quả trên đất. Gia đình bà M có dựng chòi để bảo vệ cây trồng.

Ông Tr, bà L từ năm 1983 không đóng thuế sử dụng đất; tuy nhiên việc sử dụng đất của ông Tr, bà L, bà M không bị chính quyền ngăn cản.

Ngày 01/02/2018, UBND xã B cho 02 xe vào ủi khu đất của bà M. Bà M khiếu nại, ngày 26/3/2018 UBND xã B có Công văn số 45/UBND-VP về trả lời đơn khiếu nại của bà M và Báo cáo số 33/BC-UBND ngày 26/3/2018 của UBND xã B. Bà M khiếu nại đến UBND huyện X, ngày 17/4/2018 Chủ tịch UBND huyện X ban hành Công văn số 1590/UBND-TNMT (Công văn số 1590). Ngày 22/5/2018, UBND xã B lập biên bản vi phạm hành chính.

Ngày 06/6/2018, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 129/QĐ-KPHQ về việc “áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”.

Ngày 19/6/2018, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 139/QĐ-CCXP về việc “cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

Ngày 27/7/2018 Chủ tịch UBND xã B thu hồi Quyết định số 129/QĐ-KPHQ ngày 06/6/2018 và Quyết định số 139/QĐ-CCXP ngày 19/6/2018.

Ngày 03/8/2018, UBND xã B ban hành Quyết định số 163/QĐ-KPHQ về Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (Quyết định số 163).

Ngày 14/8/2018, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 188/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Quyết định số 188).

Do đó, ngày 16/8/2018 bà M có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà M rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 129 và Quyết định 139 và khởi kiện bổ sung đối với Quyết định số 163 và Quyết định số 188.

*Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện X trình bày:*

Theo đơn khiếu nại thì đất có nguồn gốc do ông Tr và bà L khai phá từ năm 1986 (theo đơn khiếu nại), đơn khởi kiện là năm 1983 (theo giấy sang nhượng đất viết tay năm 2013); Năm 2013 ông Tr và bà L sang nhượng cho bà M. Như vậy theo nội dung đơn thì việc sang nhượng năm 2013 đã vi phạm Điều 66 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Theo Báo cáo số 33/BC-UBND ngày 26/3/2018 và Công văn số 45/UBND- VP ngày 26/3/2018 của UBND xã B thì đất bà M đang khiếu nại có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Tr, bà L. Ông Tr, bà L sử dụng đất có nguồn gốc do lấn chiếm đất chưa sử dụng do đất nhà nước quản lý. Ngày 23/4/2015 UBND xã B xử phạt vi phạm hành chính số 78/QĐ- KPHQ về hành vi chiếm đất công tại vị trí đất bà M đang khởi kiện.

Mặt khác, theo số liệu Bản trích đo hiện trạng kèm theo danh sách điều tra chủ sử dụng đất năm 2017 và Biên bản xét nguồn gốc đất ngày 19/10/2017 của UBND xã B, thì hộ bà M không có đất nằm trong diện tích thu hồi của Dự án, toàn bộ đất bà M đang sử dụng thuộc một phần thửa số 193, tờ bản đồ số 30 là đất chưa sử dụng Nhà nước quản lý.

Xét nguồn gốc sử dụng đất của bà M nêu trên và căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì bà M thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường.

Do đó Chủ tịch UBND huyện X giữ nguyên Công văn số 1590 và đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà M.

*Người bị kiện Chủ tịch UBND xã B trình bày:*

Về hình thức: Quyết định số 188 và Quyết định số 163 của Chủ tịch UBND xã B được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

Về nội dung: Thửa số 193, tờ bản đồ số 30 theo hồ sơ địa chính là đất chưa sử dụng do UBND xã B quản lý (được ghi nhận tại sổ mục kê năm 1997). Phần đất bà M nhận chuyển nhượng bằng giấy tờ tay của bà L thuộc một phần thửa đất số 193, tờ bản đồ số 30.

Ngày 29/9/2014, UBND xã B phát hiện bà Lê Thị L sử dụng đất trái phép nên lập biên bản số 43/BB-VPLIC; Ngày 23/4/2015 thì Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 78/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bà L không chấp hành nhưng cũng không khiếu nại, khởi kiện.

Tháng 4/2018, UBND xã san ủi mặt bằng để xây dựng trường học thì bà Ngô Thị Thanh M đến ngăn cản, bà M cho rằng diện tích 22.000m<sup>2</sup> UBND xã đang san ủi là của bà M, thì UBND xã mới biết bà M sử dụng đất trái phép đất UBND xã B đang quản lý nên UBND xã B ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế để thu hồi đất để UBND xã quản lý.

Thực hiện đầu tư xây dựng công trình trường THCS B, UBND xã B phải thực hiện việc xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với diện tích đất

nhà nước dự kiến thu hồi. Qua kiểm tra, UBND xã xác định trong tổng diện tích đất dự kiến thu hồi, có khoảng 8.000m<sup>2</sup> đất do bà M dựng cọc bê tông bao chiếm. Theo hồ sơ địa chính lập năm 1997, phần diện tích đất bà M bao chiếm thuộc một phần thửa đất số 193 tờ bản đồ địa chính số 30 do UBND xã quản lý. UBND xã đã mời bà M làm việc và xác định ngoài phần diện tích 8.000m<sup>2</sup> đất nêu trên, bà M còn lấn chiếm thêm khoảng 14.000m<sup>2</sup> trong thửa đất số 193 tờ bản đồ số 30 xã B.

UBND xã B đã họp hội đồng xét nguồn gốc đất, có mời trưởng ấp và các cá nhân sinh sống từ trước đến nay và biết rõ nguồn gốc khu đất trên tham dự. Qua làm việc, UBND xã xác định phần diện tích khoảng 22.000m<sup>2</sup> nêu trên có nguồn gốc một phần do ông Th (con rể bà Lê Thị L) khai hoang từ năm 2009 - 2010 để đắp bờ nuôi cá và trồng một số cây tràm; một phần do ông Hoàng Văn B khai hoang trồng tràm từ năm 2007. Đến ngày 09/01/2013 (ngày tháng trên giấy mua bán đất do bà M cung cấp có tẩy xóa ngày tháng năm), bà Lê Thị L sang nhượng khu đất lại cho bà Ngô Thị Thanh M. (Báo cáo 63/BC-UBND ngày 29/5/2018 của UBND xã B).

UBND xã B cũng đã thực hiện kiểm tra hiện trạng và xác định trên đất có một số cây tràm mọc hoang, tại thời điểm kiểm tra không có dấu hiệu của việc sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp. Đồng thời UBND xã cũng đã thuê đơn vị đo đạc đo xác định chính xác diện tích đất theo sự chỉ ranh của bà M, diện tích sau đo đạc là 22.993,1m<sup>2</sup>.

UBND xã B đã lập biên bản xử lý vi phạm hành chính ngày 22/5/2018 và ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi lấn, chiếm đất đối với bà Ngô Thị Thanh M. Ngày 19/6/2018, UBND xã tiếp tục ban hành Quyết định số 139/QĐ-CCXP ngày 19/6/2018 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà M.

Tuy nhiên, sau khi rà soát lại toàn bộ hồ sơ xử lý vi phạm, UBND Xã nhận thấy hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có sai sót về trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính nên đã thực hiện thu hồi, hủy bỏ các Quyết định và hồ sơ xử lý vi phạm.

Ngày 02/8/2018, UBND xã đã lập lại biên bản vi phạm hành chính (theo kết quả đo đạc của công ty TNHH đo đạc bản đồ Phước Thịnh). Ngày 03/8/2018, UBND xã ban hành Quyết định số 163/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 14/8/2018, UBND xã ban hành Quyết định số 188/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Ngô Thị Thanh M. Đến ngày 12/9/2018, UBND xã đã tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định số 136/QĐ-CCXP ngày 18/6/2018.

Ủy ban nhân dân xã B giữ nguyên nội dung Quyết định số 163 và Quyết định số 188 đối với bà Ngô Thị Thanh M.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 69/2018/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Áp dụng: Điều 46, Điều 47, điểm e khoản 1 Điều 43, điểm a khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh M yêu cầu hủy: Công văn số 1590/UBND-TNMT ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện X; Công văn số 45/UBND-TNMT ngày 26/3/2018, Quyết định số 163/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 188/QĐ-CCXP ngày 14/8/2018 đều của Chủ tịch UBND xã B về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Ngô Thị Thanh M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/11/2018, bà Ngô Thị Thanh M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ngô Thị Thanh M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M, hủy Công văn số 1590/UBND-TNMT ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện X; Công văn số 45/UBND-TNMT ngày 26/3/2018, Quyết định số 163/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 188/QĐ-CCXP ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND xã B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện X và người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã B thống nhất trình bày: Việc nhận chuyển nhượng của bà M là không phù hợp với quy định pháp luật. Đất đã được UBND xã B đăng ký kê khai vào năm 1997. Bà L, ông Tr không có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Lời khai về quá trình sử dụng đất có mâu thuẫn, lúc khai bán năm 1983, lúc khai bán năm 1986. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hồ sơ địa chính lập năm 1997 thể hiện đất do UBND xã B quản lý. Việc chuyển nhượng giữa bà M với bà L, ông Tr không đúng quy định pháp luật. Năm 2014 có lập biên bản xử phạt hành chính, sau đó ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Bà M cho rằng việc sử dụng đất là hợp pháp nhưng không có giấy tờ. Mặc dù có xác nhận của trưởng ấp nhưng không có giấy tờ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Thanh M làm đúng thời hạn kháng cáo, là hợp lệ nên chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh M về việc đề nghị hủy Công văn số 1590/UBND-TNMT ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện X; Công văn số 45/UBND-TNMT ngày 26/3/2018, Quyết định số 163/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 188/QĐ-CCXP ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND xã B là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Công văn số 1590/UBND-TNMT ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện X có nội dung giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh M là quyết định hành chính, tuy nhiên hình thức ban hành là công văn là không đúng quy định của Luật khiếu nại.

[4] Diện tích đất mà bà M bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả với diện tích 22.000m<sup>2</sup> có nguồn gốc do bà L, ông Tr khai phá, sử dụng từ năm 1983, được trưởng ấp – ông Hồ Chí Kh xác nhận vào ngày 16/6/2011 và ông Trương Văn Đ – trưởng ấp xác nhận vào ngày 11/7/2013.

Theo hồ sơ địa chính lập năm 1977, phần diện tích đất bà M bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả thuộc một phần thửa đất số 193 tờ bản đồ địa chính số 30 do UBND xã B quản lý đăng ký từ năm 1997. Tuy nhiên, trên thực tế, UBND xã B không có tác động gì đến diện tích đất này mà vẫn do bà L, ông Tr quản lý, sử dụng cho đến khi chuyển nhượng cho bà M. Trên đất có cây cối do bà L, ông Tr, bà M trồng. Mặt khác, quá trình bà L, ông Tr và bà M sử dụng không bị chính quyền địa phương xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm bà M nhận chuyển nhượng ngày 09/01/2013 nên áp dụng Luật Đất đai năm 2003 đang có hiệu lực, cụ thể tại các Điều 46, Điều 47, điểm e khoản 1 Điều 43, điểm a khoản 1 Điều 106 thì không đủ điều kiện bồi thường đất. Tuy nhiên, việc bà M sử dụng đất là kế tiếp và liên tục với việc sử dụng đất của bà L, ông Tr trên cơ sở giao dịch chuyển nhượng, cho nên thời điểm bắt đầu sử dụng đất phải được tính từ thời điểm bà L, ông Tr khai phá, sử dụng đất từ năm 1983 theo xác nhận của Trưởng ấp và người dân địa phương.

Việc sử dụng đất của bà M, ông L, ông Tr trước thời điểm UBND xã B đăng ký quyền sử dụng đất nên không có căn cứ xác định bà M có hành vi lấn chiếm đất đai để áp dụng biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả.

Do vậy, việc Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 163/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 188/QĐ-

CCXP ngày 14/8/2018 đối với bà M là không có căn cứ.

Trường hợp UBND huyện X có nhu cầu thu hồi đất đối với bà M thì cần phải ban hành quyết định thu hồi đất và xem xét giá trị quyền sử dụng đất, tài sản trên đất để bồi thường. Nếu trường hợp ông Tr, bà L không chuyển nhượng cho bà M thì ông Tr, bà L vẫn được bồi thường theo quy định pháp luật.

Như vậy, văn bản giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện X không đảm bảo hình thức theo Luật Khiếu nại và nội dung không đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M mới đảm bảo giải quyết vụ án đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị Thanh M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

Chủ tịch UBND huyện X và Chủ tịch UBND xã B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Thanh M. Sửa Bản án hành chính sơ số 69/2018/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh M. Hủy các văn bản sau:

- Công văn số 1590/UBND-TNMT ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện X;

- Công văn số 45/UBND-TNMT ngày 26/3/2018, Quyết định số 163/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 188/QĐ-CCXP ngày 14/8/2018 đều của Chủ tịch UBND xã B về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Ngô Thị Thanh M.

Chủ tịch UBND huyện X và Chủ tịch UBND xã B, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Ngô Thị Thanh M 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0003240 ngày 17/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn lại cho bà Ngô Thị Thanh M 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc

thẩm theo biên lai thu số 0005974 ngày 21/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Minh Thịnh**

**Lê Thành Văn**

**Trần Thị Thu Thủy**